

MẪU SỐ 5

MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU¹

(Kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024
của

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

PHẦN A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU LỰA CHỌN NHÀ THẦU

I. Tổng hợp số liệu về kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu

1. Tổng hợp chung về kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu

a) Tổng hợp chung về số liệu đối với việc lựa chọn nhà thầu của các gói thầu thuộc đối tượng áp dụng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 của Luật Đấu thầu bao gồm: tổng số gói thầu, tổng giá gói thầu, tổng giá trúng thầu và tỷ lệ tiết kiệm chung theo lĩnh vực đấu thầu, theo hình thức lựa chọn nhà thầu, theo phân loại dự án.

b) Tổng hợp chung số liệu đối với việc lựa chọn nhà thầu của các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên (Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA,...) bao gồm: tổng số gói thầu, tổng giá gói thầu, tổng giá trúng thầu, tỷ lệ tiết kiệm theo lĩnh vực đấu thầu và theo hình thức lựa chọn nhà thầu.

c) Kết quả thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng.

d) Nội dung khác (nếu có).

2. Công tác chỉ đạo, điều hành, phổ biến việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu

Tổng hợp số liệu về số lượng văn bản chỉ đạo chỉ đạo, điều hành về đấu thầu lựa chọn nhà thầu; số lượng hội nghị/hội thảo phổ biến công tác đấu thầu.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về đấu thầu lựa chọn nhà

¹ Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp nhà nước thực hiện báo cáo theo Mẫu này kèm biểu số liệu 01 đến số 06 và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của các thông tin và số liệu báo cáo.

Căn cứ vào tình hình thực tế hằng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có thể cập nhật, điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo, biểu mẫu báo cáo và cách thức báo cáo.

thầu

a) Tổng hợp số liệu về công tác thanh tra, kiểm tra về đấu thầu lựa chọn nhà thầu bao gồm: số lượng các cuộc thanh tra về đấu thầu; số lượng các cuộc thanh tra được lồng ghép nội dung về đấu thầu; số lượng các cuộc kiểm tra về đấu thầu; số lượng các cuộc kiểm tra được lồng ghép nội dung về đấu thầu.

b) Tổng hợp số liệu về công tác giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu bao gồm: số lượng các văn bản chấn chỉnh hoạt động đấu thầu; số lượng tổ chức, cá nhân được yêu cầu xử lý vi phạm; số lượng tổ chức, cá nhân bị xử lý vi phạm.

4. Giải quyết kiến nghị và xử lý vi phạm

a) Tổng hợp số liệu về giải quyết kiến nghị về đấu thầu, bao gồm: số lượng kiến nghị nhận được; số lượng kiến nghị được giải quyết; số lượng kiến nghị đúng của nhà thầu.

b) Tổng hợp số liệu về xử lý vi phạm trong đấu thầu, bao gồm: số lượng quyết định xử lý vi phạm hành chính, tổng số tiền xử phạt theo các quyết định, tổng số tiền phạt vi phạm đã nộp; số lượng quyết định cấm tổ chức/cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu; số lượng nhà thầu vi phạm bị chấm dứt hợp đồng do lỗi nhà thầu; số lượng đăng tải công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với các hành vi vi phạm trong đấu thầu.

5. Thông tin về nhà thầu nước ngoài trúng thầu

Tổng hợp số liệu về nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại các gói thầu thuộc dự án/dự toán mua sắm, bao gồm: Số lượng, quốc tịch nhà thầu, giá trị trúng thầu.

6. Các nội dung khác (nếu có)

II. Đánh giá việc thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu trong năm

Đánh giá **kết quả đạt được, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân** việc thực hiện hoạt động đấu thầu trên địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị theo từng nội dung sau:

1. Đánh giá chung.

2. Về tổ chức, triển khai thực hiện chính sách pháp luật về đấu thầu lựa chọn nhà thầu.

3. Về công tác chỉ đạo, điều hành, phổ biến việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu lựa chọn nhà thầu.

4. Về lựa chọn nhà thầu qua mạng.
5. Về công khai thông tin trong đấu thầu.
6. Về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm và giải quyết kiến nghị.
7. Nội dung khác (nếu có).

PHẦN B. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC TRƯỜNG HỢP PHẢI TỔ CHỨC ĐẤU THẦU THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT QUẢN LÝ NGÀNH, LĨNH VỰC

I. Tổng hợp số liệu về kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

1. Tổng hợp chung về kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu

Tổng hợp chung về số liệu đối với việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư kinh doanh thuộc đối tượng áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật Đấu thầu bao gồm: số lượng dự án tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, phân loại dự án; số lượng dự án áp dụng thủ tục mời quan tâm và chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật về đầu tư; hình thức, phương thức lựa chọn nhà đầu tư; hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực đạt được thông qua đấu thầu.

2. Công tác chỉ đạo, điều hành, phổ biến việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu

Tổng hợp số liệu về số lượng văn bản chỉ đạo chỉ đạo, điều hành về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; số lượng hội nghị/hội thảo phổ biến công tác đấu thầu.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

a) Tổng hợp số liệu về công tác thanh tra, kiểm tra về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư bao gồm: số lượng các cuộc thanh tra về đấu thầu; số lượng các cuộc thanh tra được lồng ghép nội dung về đấu thầu; số lượng các cuộc kiểm tra về đấu thầu; số lượng các cuộc kiểm tra được lồng ghép nội dung về đấu thầu.

b) Tổng hợp số liệu về công tác giám sát hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

4. Giải quyết kiến nghị và xử lý vi phạm

a) Tổng hợp số liệu về giải quyết kiến nghị về đấu thầu, bao gồm: số lượng kiến nghị nhận được; số lượng kiến nghị được giải quyết; số lượng kiến nghị đúng của nhà đầu tư.

b) Tổng hợp số liệu về xử lý vi phạm trong đấu thầu, bao gồm: số lượng quyết định xử lý vi phạm hành chính, tổng số tiền xử phạt theo các quyết định, tổng số tiền phạt vi phạm đã nộp; số lượng quyết định cấm tổ chức/cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu; số lượng nhà đầu tư vi phạm bị chấm dứt hợp đồng do lỗi nhà đầu tư; số lượng đăng tải công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với các hành vi vi phạm trong đấu thầu.

5. Các nội dung khác (nếu có).

II. Đánh giá việc thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trong năm

Đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân việc thực hiện hoạt động đấu thầu trên địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị theo từng nội dung sau:

1. Đánh giá chung.
2. Về tổ chức, triển khai thực hiện chính sách pháp luật về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.
3. Về công tác chỉ đạo, điều hành, phổ biến việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.
4. Về lựa chọn nhà đầu tư qua mạng.
5. Về công khai thông tin trong đấu thầu.
6. Về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm và giải quyết kiến nghị.
7. Nội dung khác (nếu có).

PHẦN C. GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở tình hình thực tế, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư của năm báo cáo, đề xuất giải pháp để đảm bảo triển khai có hiệu quả công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

Kiến nghị đối với cấp có thẩm quyền để giải quyết những khó khăn, vướng mắc về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

**PHẦN D. DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ KHÔNG THỰC HIỆN
BÁO CÁO HOẶC THỰC HIỆN NHƯNG KHÔNG ĐẢM BẢO VỀ THỜI
HẠN, NỘI DUNG THEO YÊU CẦU**

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Không thực hiện báo cáo	Báo cáo không đảm bảo về thời hạn, nội dung theo yêu cầu	
			Về thời hạn	Về nội dung
1				
2				
3				
....				

Ghi chú:

- Phần này tổng hợp danh sách cơ quan, đơn vị không thực hiện báo cáo hoặc thực hiện nhưng không đảm bảo về thời hạn, nội dung theo yêu cầu. Trường hợp báo cáo đầy đủ theo yêu cầu thì không cần đưa phần này vào báo cáo.

- Đánh dấu “X” vào ô tương ứng.